

Số: 402 /BCB-BV

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 4 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ

Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành

Kính gửi: Cục Quân y/Tổng Cục Hậu cần – Kỹ thuật.

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **Bệnh viện Quân y 17**

Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 1001/GPHĐ-BQP.

Cơ quan cấp: Bộ Quốc phòng, Ngày cấp: 08/06/2022

Địa chỉ: 02 Nguyễn Hữu Thọ - Q. Hải Châu - Tp Đà Nẵng.

Họ và tên người chịu trách nhiệm chuyên môn: BS CKII Huỳnh Đức Bắc

Điện thoại liên hệ: 069.772.348

Email: khth.bvqy17@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Bác sĩ y khoa;
- Bác sĩ chuyên khoa (Nội, Ngoại, Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng, Y học cổ truyền, Mắt, Răng – Hàm – Mặt, Tai – Mũi – Họng);
- Y sĩ (Đa khoa, Y học cổ truyền);
- Điều dưỡng;
- Kỹ thuật Y (Kỹ thuật Xét nghiệm y học, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật phục hồi chức năng)

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành (*Chi tiết tại Phụ lục I*)

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác: không.

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành (*Chi tiết tại Phụ lục II*).

5. Chi phí hướng dẫn thực hành: 700.000 đồng/tháng (Căn cứ theo giá thu chi phí hướng dẫn thực hành của Bệnh viện Quân y 87/Tổng cục Hậu cần và một số cơ sở trên địa bàn thành phố Đà Nẵng).

Miễn lệ phí cho các đối tượng sau:

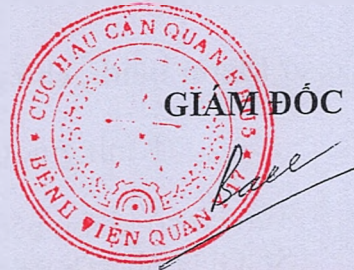
- Học viên tốt nghiệp học viện, nhà trường trong Quân đội, được phân công về Bệnh viện công tác.
- Người đề nghị thực hành thuộc lực lượng vũ trang nhân dân có văn bằng chuyên môn theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP, có Giấy giới thiệu của đơn vị quản lý cấp trung đoàn trở lên.
- Các trường hợp đặc biệt do Thường vụ, Đảng ủy, Ban Giám đốc Bệnh viện quyết định.

Bệnh viện Quân y 17 cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Tài liệu gửi kèm theo Bản công bố: Danh mục trang thiết bị phục vụ đáp ứng điều kiện hướng dẫn thực hành; Kế hoạch nội dung, chương trình thực hành cụ thể đối với từng chức danh chuyên môn. / *gth*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban GD;
- Ban KH, ĐD;
- Lưu: VT, KHTH.Li08.



Thượng tá Huỳnh Đức Bắc

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1001 /GPĐ-BQP

Hà Nội, ngày 08 tháng 6 năm 2022

GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

- Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
- Căn cứ Nghị định số 50/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong Quân đội;
- Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quân y,

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: BỆNH VIỆN QUÂN Y 17/CỤC HẬU CẦN/QUÂN KHU 5

Tên người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: Bác sĩ Huỳnh Đức Bắc

Số chứng chỉ hành nghề: 100124

Ngày cấp: 19/02/2016

Hình thức tổ chức: Bệnh viện Đa khoa

Địa điểm hành nghề: Số 2 Nguyễn Hữu Thọ, Hải Châu, Đà Nẵng

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được Cục trưởng Cục Quân y phê duyệt ban hành kèm theo giấy phép hoạt động.

Thời gian làm việc hằng ngày: 24/24 giờ

**TUQ. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC QUÂN Y**



Thiếu tướng Nguyễn Trường Giang

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỞNG ĐÃN THỰC HÀNH
(Kèm theo Bản công bố 1032/B-CB-BV ngày 03/7/2025 của Bệnh viện Quân y 17)



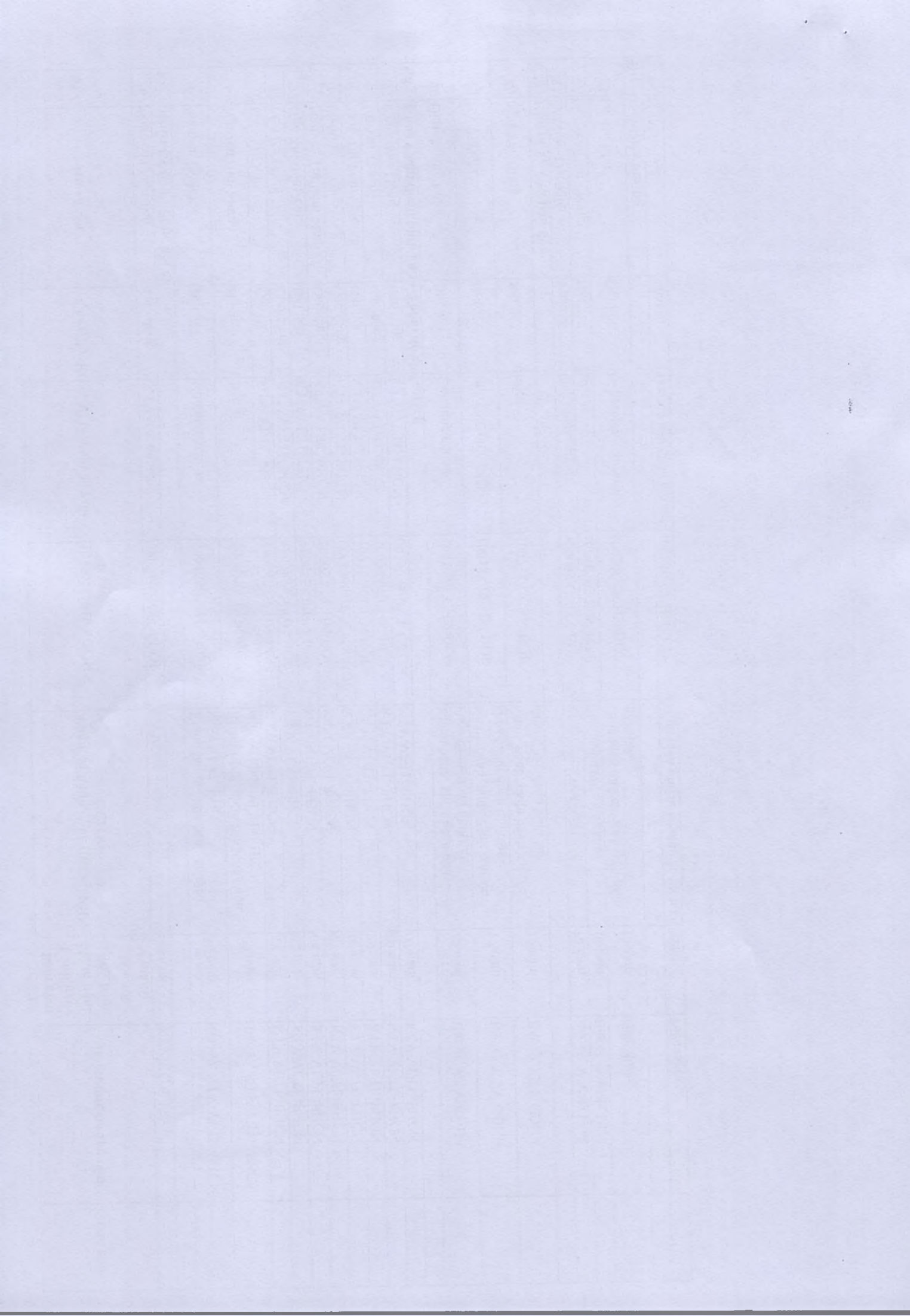
STT	Họ và tên	Chức danh	Vị trí chuyên môn	Số GP/HN/CCHN	Phạm vi hành nghề (theo GP/HN, CCHN)	Thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục (năm)	Đối tượng hướng dẫn	Ghi chú
A1	Cán bộ cao cấp							
1	Lê Đức Hồng	BSCK2	Chủ nhiệm khoa	100080/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh Nội chung	20 năm	Bác sĩ, Y sĩ đa khoa	
2	Nguyễn Cao Thắng	BSCK2	Phó chủ nhiệm khoa	260034/CCHN-BQO	Khám chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Nội chung	10 năm	Bác sĩ, Y sĩ đa khoa	
3	Lương Thị Thúy Nga	BSCK1	Bác sĩ	100724/CCHN-BQP	Khám chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Nội chung	10 năm	Bác sĩ, Y sĩ đa khoa	
4	Hồ Thị Kim Ngân	Thạc sĩ	Bác sĩ	100720/CCHN-BQP	Khám chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Nội chung, siêu âm tổng quát - tim mạch	11 năm	Bác sĩ, Y sĩ đa khoa	
5	Nguyễn Văn Thắng	BSCK1	Bác sĩ	100756/GPHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	09 năm	Bác sĩ, Y sĩ đa khoa	
6	Trần Như Ngọc	Cao đẳng	Điều dưỡng viên	008302/DNA-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	07 năm	Điều dưỡng	
A2	Khoa Tim - Thận - Khớp							
7	Hà Ngọc Anh	BSCK2	Chủ nhiệm khoa	100082/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh Nội chung	20 năm	Bác sĩ, Y sĩ đa khoa	
8	Lê Phước Trung	Thạc sĩ	Bác sĩ	100919/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh, Đa khoa	10 năm	Bác sĩ, Y sĩ đa khoa	
9	Nguyễn Thị Thu Hằng	Đại học	Điều dưỡng viên	100258/CCHN-BQP	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	28 năm	Điều dưỡng	
10	Hồ Thị Nguyễn Hằng	Cao đẳng	Điều dưỡng viên	006517/DNA-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	07 năm	Điều dưỡng	
A3	Khoa Nội Tiêu hóa - Bệnh máu							
11	Lại Thanh Thùy	Thạc sĩ, BSCK	Chủ nhiệm khoa	100841/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh, đa khoa, Nội chung, nội soi tiêu hóa, siêu âm tổng quát	14 năm	Bác sĩ, Y sĩ đa khoa	
12	Nguyễn Hoàng Đạo	BSCK1	Phó chủ nhiệm khoa	QY 100040/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Nội chung	8 năm	Bác sĩ, Y sĩ đa khoa	
13	Nguyễn Thị Cẩm Anh	BSCK1	Bác sĩ	100734/GPHN-BQP	Y khoa, chuyên khoa Nội khoa, nội soi tiêu hóa chẩn đoán, nội soi can thiệp tiêu hóa	9 năm	Bác sĩ, Y sĩ đa khoa	
14	Võ Thị Mỹ Hạnh	Đại học	Điều dưỡng viên	006309/DNA-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	10 năm	Điều dưỡng	
A4	Khoa Truyền nhiễm - Da liễu							
15	Phan Song Thanh	BSCK2	Chủ nhiệm khoa	100090/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội chung	30 năm	Bác sĩ, Y sĩ đa khoa	
16	Đinh Hoài Nhon	BSCK1	Bác sĩ	100094/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	12 năm	Bác sĩ, Y sĩ đa khoa	

STT	Họ và tên	Chức danh	Vị trí chuyên môn	Số GPHN/CCHN	Phạm vi hành nghề (theo GPHN, CCHN)	Thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục (năm)	Đối tượng hướng dẫn	Ghi chú
A6	Khoa Ung bướu							
17	Phạm Văn Thành	BSCK2	Chủ nhiệm khoa	100725/CCHN-BQP	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội chung	17 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
18	Nguyễn Hữu Hưng	Tiến sĩ	Phó chủ nhiệm khoa	100105/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại thần kinh	23 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
A7	Khoa Nội Tâm thần kinh							
19	Nguyễn Văn Quốc	BSCK2	Chủ nhiệm khoa	100093/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh Nội thần kinh	13 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
20	Võ Như Trường	BSCK1	Phó chủ nhiệm khoa	100728/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh Nội chung	17 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
21	Phan Thị Huệ	BSCK1	Bác sỹ	100834/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Nội thần kinh	09 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
A10	Khoa Y học cổ truyền							
22	Phạm Hồng Đình Thắm	BSCK1	Phó chủ nhiệm khoa	100732/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền, đa khoa	11 năm	Bác sỹ, Y sĩ YHCT	
23	Huỳnh Văn Hòa	BSCK1	Bác sỹ	100146/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, bằng Y học cổ truyền,	20 năm	Bác sỹ, Y sĩ YHCT	
24	Nguyễn Thị Ngọc Nguyệt	Đại học	Điều dưỡng viên	100221/CCHN-BQP	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	23 năm	Điều dưỡng	
A12	Khoa Hồi sức cấp cứu							
25	Trần Công Lộc	BSCK2	Chủ nhiệm khoa	100098/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, gây mê hồi sức	27 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
26	Nguyễn Minh Phú	BSCK1	Phó chủ nhiệm khoa	100345/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, nội chung	12 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
27	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Cao Đẳng	Điều dưỡng viên	007123/ĐNA-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	8 năm	Điều dưỡng	
A14	Khoa Thận - Lọc máu							
28	Phan Thanh Hải	Thạc sĩ	Chủ nhiệm khoa	100085/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh, Nội chung	26 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
29	Phạm Thị Thùy Dương	BSCK1	Phó chủ nhiệm khoa	100087/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa nội chung, nội soi tiêu hóa	14 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
30	Trần Thị Xiêm	BSCK1	Bác sỹ	100100/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Nội chung	12 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
31	Trần Hữu Nhứt	Đại học	Điều dưỡng trưởng	100226/CCHN-BQP	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	14 năm	Điều dưỡng	
B1	Khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình							
32	Lê Hoài Nam	Thạc sĩ, BSCK	Chủ nhiệm khoa	100106/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh Chấn thương chỉnh hình	22 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	

STT	Họ và tên	Chức danh	Vị trí chuyên môn	Số GPNN/CCHN	Phạm vi hành nghề (theo GPNN, CCHN)	Thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục (năm)	Đối tượng hướng dẫn	Ghi chú
33	Phan Anh Nghĩa	BSCK2	Phó chủ nhiệm khoa	100107/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa Ngoại thần kinh, chấn thương chỉnh hình	15 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
34	Trần Nghiêm Phúc	Thạc sĩ	Bác sỹ	100104/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình	25 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
35	Trần Thị Thanh Nhân	Đại học	Điều dưỡng viên	100227/CCHN-BQP	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	18 năm	Điều dưỡng	
36	Hồ Trọng Tài	Cao đẳng	Điều dưỡng viên	QY100001/CCHN-BQP	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	12 năm	Điều dưỡng	
B3	Khoa Ngoại chung							
37	Trần Đình Bang	BSCK2	Chủ nhiệm khoa	100722/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại chung, siêu âm chấn đoán	14 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
38	Mai Thị Diệu Thùy	BSCK1	Bác sỹ	100115/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa phụ sản	12 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
39	Nguyễn Văn Lĩnh	Thạc sĩ	Bác sỹ	100730/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại chung	11 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
40	Huỳnh Thị Thu	Đại học	Điều dưỡng viên	100256/CCHN-BQP	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	27 năm	Điều dưỡng	
41	Nguyễn Thị Vinh	Cao đẳng	Điều dưỡng viên	100177/GPHN-BQP	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	13 năm	Điều dưỡng	
B5	Khoa Phẫu thuật Gây mê hồi sức							
42	Trần Phước Sung	Thạc sĩ	Chủ nhiệm khoa	100117/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh Gây mê hồi sức	30 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
43	Trương Ngọc Lê	BSCK1	Bác sỹ	100118/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Gây mê Hồi sức	17 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
44	Trần Cao Quyền	Đại học	Bác sỹ	100838/CCHN-BQP	Khám chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Gây mê Hồi sức	8 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
B7	Khoa Mắt							
45	Đoàn Ngọc Trần	BSCK1	Chủ nhiệm khoa	100833/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Mắt	14 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
46	Huỳnh Thị Ngọc Hà	BSCK1	Bác sỹ	002808/QNG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Mắt	08 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
47	Nguyễn Quang Phục	Đại học	Bác sỹ	100840/CCHN-BQP	Y khoa, chuyên khoa Mắt, tạo hình thẩm mỹ	18 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
48	Lê Tố Loan	Cao đẳng	Điều dưỡng viên	100237/CCHN-BQP	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	19 năm	Điều dưỡng	
B8	Khoa Răng Hàm Mặt							

STT	Họ và tên	Chức danh	Vị trí chuyên môn	Số GPHN/CCHN	Phạm vi hành nghề (theo GPHN, CCHN)	Thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục (năm)	Đối tượng hướng dẫn	Ghi chú
49	Trương Xuân Quý	BSCK2	Chủ nhiệm khoa	100125/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa RHM	14 năm	Bác sỹ Răng - Hàm - Mặt	
50	Kiều Mạnh Hùng	BSCK1	Bác sỹ	100698/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa RHM	9 năm	Bác sỹ Răng - Hàm - Mặt	
51	Lương Văn Nhân	BSCK1	Bác sỹ	100290/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa RHM	07 năm	Bác sỹ Răng - Hàm - Mặt	
52	Hồ Vi Nữ Mỹ Liên	Đại học	Điều dưỡng viên	100240/CCHN-BQP	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	26 năm	Điều dưỡng	
53	Phan Thị Phương Cẩm	Cao đẳng	Điều dưỡng viên	100241/CCHN-BQP	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	12 năm	Điều dưỡng	
54	Đặng Thị Thanh Phượng	Đại học	Điều dưỡng viên	008898/DNA-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	04 năm	Điều dưỡng	
B9 Khoa Tai Mũi Họng								
55	Phùng Phú Tài	BSCK2	Chủ nhiệm khoa	100128/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa TMH	27 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
56	Tần Xuân Ái	BSCK2	Phó Chủ nhiệm khoa	100129/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa TMH	16 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
57	Lê Thị Liên	BSCK1	Bác sỹ	100719/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa TMH	10 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
58	Võ Thị Dương	Cao đẳng	Điều dưỡng viên	110244/CCHN-BQP	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	19 năm	Điều dưỡng	
59	Nguyễn Thị Thu Tài	Cao đẳng	Điều dưỡng viên	100743/CCHN-BQP	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	14 năm	Điều dưỡng	
59	Nguyễn Thị Kim Thúy			006933/DNA-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	8 năm	Điều dưỡng	
C1 Khoa Khám bệnh								
60	Đàm Quang Huy	BSCK1	Chủ nhiệm khoa	100721/CCHN-BQP	Đa khoa, Ngoại chung	8 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
61	Hồ Đức Thanh	BSCK1	Phó chủ nhiệm khoa	100839/CCHN-BQP	Đa khoa VLTL-PHCN	7 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
62	Nguyễn Trọng Tiến	Cao đẳng	Điều dưỡng trưởng	100225/CCHN-BQP	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	9 năm	Điều dưỡng	
63	Lê Thị Thom	Cao đẳng	Điều dưỡng	100747/CCHN-BQP	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	8 năm	Điều dưỡng	
C2 Khoa Xét nghiệm								
64	Võ Hoàng Du	BSCK1	Chủ nhiệm khoa	100132/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Xét nghiệm	9 năm	Bác sỹ, KTV Xét nghiệm	
65	Trương Minh Huệ	BSCK1	Phó chủ nhiệm khoa	100733/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Xét nghiệm	9 năm	Bác sỹ, KTV Xét nghiệm	
66	Huỳnh Thị Hồng Nga	Cao đẳng	KTV Xét nghiệm	100916/CCHN-BQP	KTV Xét nghiệm	9 năm	KTV Xét nghiệm	

STT	Họ và tên	Chức danh	Vị trí chuyên môn	Số GPHN/CCHN	Phạm vi hành nghề (theo GPHN, CCHN)	Thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục (năm)	Đối tượng hướng dẫn	Ghi chú
67	Nguyễn Quốc Tấn	Cao đẳng	KTV Xét nghiệm	100749/CCHN-BQP	KTV Xét nghiệm	10 năm	KTV Xét nghiệm	
C6	Khoa Lý liệu - Phục hồi chức năng							
68	Nguyễn Lý Khoa	BSCK1	Chủ nhiệm khoa	100139/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa VL.TL-PHCN	08 năm	Bác sỹ, KTV VL.TL-PHCN	
69	Nguyễn Ánh Sương	Đại học	Bác sỹ	100837/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa VL.TL-PHCN	08 năm	Bác sỹ, KTV VL.TL-PHCN	
70	Hà Thị Thu	Cao đẳng	KTV VL.TL-PHCN	100282/CCHN-BQP	KTV VL.TL-PHCN	18 năm	KTV VL.TL-PHCN	
71	Lê Tiến Hùng	Cao đẳng	KTV VL.TL-PHCN	100287/CCHN-BQP	KTV VL.TL-PHCN	12 năm	KTV VL.TL-PHCN	
72	Ngô Thị Cẩm Thùy	Đại học	KTV VL.TL-PHCN	100845/GPHN-BQP	KTV VL.TL-PHCN	08 năm	KTV VL.TL-PHCN	
73	Nguyễn Thị Lâm Thao	Cao đẳng	KTV VL.TL-PHCN	100687/CCHN-BQP	KTV VL.TL-PHCN	27 năm	KTV VL.TL-PHCN	
74	Phạm Đức Tuấn	Cao đẳng	KTV VL.TL-PHCN	QY100010/CCHN-BQP	KTV VL.TL-PHCN	08 năm	KTV VL.TL-PHCN	
75	Trần Thị Phương Linh	Đại học	KTV VL.TL-PHCN	100281/CCHN-BQP	KTV VL.TL-PHCN	29 năm	KTV VL.TL-PHCN	
76	Võ Thị Thạc	Cao đẳng	KTV VL.TL-PHCN	100748/CCHN-BQP	KTV VL.TL-PHCN	10 năm	KTV VL.TL-PHCN	
77	Phạm Thu Hằng	Cao đẳng	KTV VL.TL-PHCN	0026008/BYT-CCHN	KTV VL.TL-PHCN	07 năm	KTV VL.TL-PHCN	
C8	Khoa Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng							
78	Đinh Hoàng Long	BSCK2	Chủ nhiệm khoa	100141/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	25 năm	Bác sỹ, KTV CDHA	
79	Hồ Vĩ Đại Chí	BSCK2	Phó Chủ nhiệm khoa	100143/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	17 năm	Bác sỹ, KTV CDHA	
80	Ngô Văn Công	BSCK2	Bác sỹ	100718/CCHN-BQP	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	10 năm	Bác sỹ, KTV CDHA	
C24	Khoa Cấp cứu ban đầu							
81	Lê Ngọc Đạt Thái	Thạc sĩ	Chủ nhiệm khoa	100099/CCHN-BQP	Khám chữa bệnh đa khoa	10 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
82	Nguyễn Hữu Phong	BSCK1	Bác sỹ	100101/CCHN-BQP	Khám chữa bệnh đa khoa	10 năm	Bác sỹ, Y sĩ đa khoa	
83	Lê Thị Mai	Đại học	Điều dưỡng trưởng	100200/CCHN-BQP	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn điều dưỡng	10 năm	Điều dưỡng	
ĐD	Ban Điều dưỡng							
84	Hồ Văn Triều	Thạc sĩ	Trưởng ban Điều dưỡng	100210/CCHN-BQP	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ĐD	4 năm	Điều dưỡng	



Phụ lục II
NỘI DUNG THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
 (Kèm theo Bản công bố 402/BCB-BV ngày 03/4/2025 của Bệnh viện Quân y 17)

STT	Trình độ hướng dẫn thực hành	Ngành/chuyên ngành hướng dẫn thực hành	Đối tượng hướng dẫn	Số lượng người có thể tiếp nhận hướng dẫn thực hành tối đa	Ghi chú
A1	Khoa Cán bộ cao cấp				
1	BSCK2	Khám bệnh, chữa bệnh Nội chung	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	10	
2	Thạc sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa nội chung	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
3	BSCK1	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa nội chung	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	10	
4	Cao đẳng	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	Điều dưỡng	5	
A2	Khoa Tim - Thận - Khớp				
5	BSCK2	Khám bệnh, chữa bệnh Nội chung	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
6	Thạc sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Nội tim mạch	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
7	Đại học	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	Điều dưỡng	5	
8	Đại học	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	Điều dưỡng	5	
A3	Khoa Nội Tiêu hóa - bệnh máu				
9	Thạc sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh, đa khoa, Nội chung, nội soi tiêu hóa, siêu âm tổng quát	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
10	BSCK1	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Nội chung	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	10	
11	Đại học	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	Điều dưỡng	5	
A4	Khoa Truyền nhiễm - Da liễu				
12	BSCK2	Khám bệnh, chữa bệnh Nội chung	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
13	BSCK1	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa nội chung	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
A6	Khoa Ung bướu				
14	BSCK2	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội chung	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
15	Tiến sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại thân kinh	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
A7	Khoa Nội Tâm thần kinh				

STT	Trình độ hướng dẫn thực hành	Ngành/chuyên ngành hướng dẫn thực hành	Đối tượng hướng dẫn	Số lượng người có thể tiếp nhận hướng dẫn thực hành tối đa	Ghi chú
16	BSCK2	Khám bệnh, chữa bệnh Nội thần kinh	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
17	BSCK1	Khám bệnh, chữa bệnh Nội chung	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	10	
A10	Khoa Y học cổ truyền				
18	BSCK1	Khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền	Bác sỹ, y sỹ YHCT	10	
19	Đại học	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	Điều dưỡng	5	
A12	Khoa Hồi sức cấp cứu				
20	BSCK2	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, gây mê hồi sức	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
21	BSCK1	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, nội chung	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
22	Cao Đẳng	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	Điều dưỡng	5	
A14	Khoa Thận - Lọc máu				
23	Thạc sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh, Nội chung	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
24	BSCK1	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa nội chung, nội soi tiêu hóa	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
25	BSCK1	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa nội chung	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
26	Đại học	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	Điều dưỡng	5	
B1	Khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình				
27	BSCK2	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa Ngoại thần kinh, chấn thương chỉnh hình	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	10	
28	Thạc sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chấn thương chỉnh hình	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
29	Đại học	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	Điều dưỡng	5	
30	Cao đẳng	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	Điều dưỡng	5	
B3	Khoa Ngoại Chung				
31	BSCK2	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại chung, siêu âm chẩn đoán	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
32	Thạc sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Ngoại chung	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	

STT	Trình độ hướng dẫn thực hành	Ngành/chuyên ngành hướng dẫn thực hành	Đối tượng hướng dẫn	Số lượng người có thể tiếp nhận hướng dẫn thực hành tối đa	Ghi chú
33	BSCK1	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa phụ sản	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
34	Đại học	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	Điều dưỡng	5	
35	Cao đẳng	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	Điều dưỡng	5	
B5	Khoa Phẫu thuật Gây mê hồi sức				
36	Thạc sỹ	Khám bệnh, chữa bệnh Gây mê hồi sức	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
37	BSCK1	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, Gây mê Hồi sức	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
38	Đại học	Khám chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Gây mê Hồi sức	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
B7	Khoa Mắt				
39	BSCK1	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Mắt	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	10	
40	Đại học	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa Mắt	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
41	Cao đẳng	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	Điều dưỡng	5	
B8	Khoa Răng Hàm Mặt				
42	BSCK2	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa RHM	Bác sỹ RHM	5	
43	BSCK1	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa RHM	Bác sỹ RHM	10	
44	Đại học	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	Điều dưỡng	10	
45	Cao đẳng	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	Điều dưỡng	5	
B9	Khoa Tai Mũi Họng				
46	BSCK2	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa TMH	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	10	
47	BSCK1	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa TMH	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
48	Cao đẳng	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	Điều dưỡng	10	
C1	Khoa Khám bệnh				
49	BSCK1	Đa khoa, Ngoại chung	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
50	BSCK1	Đa khoa VLTL-PHCN	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	

STT	Trình độ hướng dẫn thực hành	Ngành/chuyên ngành hướng dẫn thực hành	Đối tượng hướng dẫn	Số lượng người có thể tiếp nhận hướng dẫn thực hành tối đa	Ghi chú
51	Cao đẳng	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	Điều dưỡng	10	
C2	Khoa Xét nghiệm				
52	BSCK1	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Xét nghiệm	Bác sỹ, KTV Xét nghiệm	10	
53	Cao đẳng	KTV Xét nghiệm	KTV Xét nghiệm	10	
C6	Khoa Lý liệu - Phục hồi chức năng				
54	BSCK1	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa VLTL-PHCN	Bác sỹ, KTV PHCN	5	
55	Đại học	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa, chuyên khoa VLTL-PHCN	Bác sỹ, KTV PHCN	5	
56	Đại học	KTV VLTL-PHCN	KTV VLTL-PHCN	10	
57	Cao đẳng	KTV VLTL-PHCN	KTV VLTL-PHCN	30	
C8	Khoa Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng				
58	BSCK2	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Bác sỹ, KTV CĐHA	15	
C24	Khoa Cấp cứu ban đầu				
59	Thạc sỹ	Khám chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
60	BSCK1	Khám chữa bệnh đa khoa	Bác sỹ, Y sỹ đa khoa	5	
61	Đại học	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	Điều dưỡng	5	
ĐD	Ban Điều dưỡng				
62	Thạc sỹ	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn Điều dưỡng	Điều dưỡng	5	

DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ CỦA CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH ĐÁP ỨNG ĐIỀU KIỆN
HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Kèm theo Bản công bố 402 /BCB-BT ngày 03 /4 /2025 của Bệnh viện Quân y 17)



STT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (MODEL)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm Sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng	Trình trạng sử dụng
1	Máy điện tim 6 kênh ECG 1250K Nihon Kohden Nhật	ECG 1250	Nihon Kohden	NHẬT BẢN	2012	2012	2	MỚI
2	Máy điện tim 6 kênh ECG 1250K Nihon Kohden Nhật	ECG 1250	Nihon Kohden	NHẬT BẢN	2012	2012	1	MỚI
3	Máy điện tim 6 kênh ECG 1250K Nihon Kohden Nhật	ECG 1250K	Nihon Kohden	NHẬT BẢN	2008	2008	1	MỚI
4	Máy điện tim 6 kênh ECG 1250K Nihon Kohden Nhật	ECG 1250K	Nihon Kohden	NHẬT BẢN	2016	2016	2	MỚI
5	Máy điện tim 6 kênh ECG 1250K Nihon Kohden Nhật	ECG 1250K	Nihon Kohden	NHẬT BẢN	2018	2019	3	MỚI
6	Máy điện tim 18 kênh ECG-2450 Nihon Kohden Nhật	ECG 1250K	Nihon Kohden	NHẬT BẢN	2019	2019	1	MỚI
7	Máy điện tim 3 kênh Cardico 306 Nhật 1120	Cardico 306	Suzuken Kenz	NHẬT BẢN	2023	2023	1	MỚI
8	Máy điện não vi tính EEG 1200K Nhật	BEG 1200K	Nihon Kohden	NHẬT BẢN	2013	2013	1	MỚI
9	Máy Holter theo dõi điện tim liên tục 24/24 h	Seelife	Lifecard CF	Mỹ	2013	2013	1	MỚI
10	Máy Holter theo dõi huyết áp liên tục 24/24 h	TONOPORT V	Lifecard CF	Mỹ	2013	2013	1	MỚI
11	Holter theo dõi điện tim, huyết áp Lifecard CF Mỹ	Lifecard CF	Lifecard CF	Mỹ	2012	2012	1	MỚI
12	Máy Holter theo dõi nhịp tim liên tục SEER 1000 Đức	Seer 1000	Lifecard CF	Đức	2016	2016	1	MỚI
13	Máy Holter theo dõi huyết áp liên tục TONOPORT V Đức	TONOPORT V	Lifecard CF	Đức	2016	2016	1	MỚI

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (MODEL)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm Sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng	Trình trạng sử dụng
14	Máy siêu âm chẩn đoán doppler màu SSD-4000 ALOKA Nhật	SSD-4000	ALOKA	NHẬT BẢN	2005	2005	1	MỎI
15	Máy siêu âm màu 4D (3 đầu dò) Prosound a6 Nhật	Prosound a6	ALOKA	NHẬT BẢN	2015	2015	1	MỎI
16	Máy siêu âm màu 4D (4 đầu dò) Prosound a6 Nhật	Prosound a6	ALOKA	NHẬT BẢN	2015	2015	1	MỎI
17	Máy siêu âm màu tổng quát 4D UF - 890 AG Nhật	UF- 890AG	FUKUDA	NHẬT BẢN	2016	2016	1	MỎI
18	Máy siêu âm 4D chuyên tim Arietta V70 Nhật	ARIETTA V70	ALOKA	NHẬT BẢN	2016	2016	1	MỎI
19	Máy siêu âm mắt A/B US - 4000 Nhật	US- 4000	NIDEK	NHẬT BẢN	2015	2015	1	MỎI
20	Máy siêu âm chuyên khoa ung bướu Logiq E9	Logiq E9	GE	Mỹ	2019	2019	1	MỎI
21	Hệ thống X quang kỹ thuật số DDR Titan 2000 Hàn Quốc	TITAN - 2000	COMED	HÀN QUỐC	2010	2010	1	MỎI
22	Máy X quang Răng KTS chụp toàn hàm PaX-i Hàn Quốc	PAX-I	VATECH	HÀN QUỐC	2015	2015	1	MỎI
23	Hệ thống X.Quang KTS DR 2 tấm cảm biến Eva DR H.Quốc	EVA-DR	GEMSS	HÀN QUỐC	2016	2016	1	MỎI
24	Máy XQ kyd thuật số xách tay dã chiến	CMDR-2ST	Carestream	Mỹ	2018	2018	1	MỎI
25	Máy XQ di động KTS 510	BEMEMS 510	BEMEMS	HÀN QUỐC	2018	2018	1	MỎI
26	Hệ thống chụp cắt lớp vi tính 16 lát cắt/Vquay	Optima CT 540	GE Healthcare	NHẬT BẢN	2017	2017	1	MỎI
27	Hệ thống cộng hưởng từ Achieva 1.5T Hà Lan	Achieva 1.5T	PHILIPS	HÀ LAN	2013	2013	1	MỎI
28	HTNS mật tụy ngược dòng VIDEOEXRAIICV Nhật	VIDEO EXRAII	PENTAX	NHẬT BẢN	2013	2013	1	MỎI
29	Hệ thống nội soi tiêu hóa GIF-Q150,CF-Q150I,CV-150 Nhật	CV-150	OLYMPUS	NHẬT BẢN	2015	2015	1	MỎI
30	HTNS Mật - Tụy ngược dòng Pentax Nhật	Exera II 180	PENTAX	NHẬT BẢN	2015	2015	1	MỎI
31	HTNS Dạ dày tá tràng - Đại tràng Pentax Nhật	Pentax - 150	PENTAX	NHẬT BẢN	2015	2015	1	MỎI
32	Máy khử khuẩn đường ống soi mềm tự động	Endo Clean 1000	Medipia	HÀN QUỐC	2018	2019	1	MỎI
33	Nội soi phẫu thuật ổ bụng Olympus VISERRA Nhật	Viserra	OLYMPUS	NHẬT BẢN	2005	2005	1	MỎI

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (MODEL)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm Sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng	Trình trạng sử dụng
34	Hệ thống phẫu thuật nội soi tai mũi họng Endocam 5512 Đức	Endocam 5512	RICHARD WOLF	ĐỨC	2009	2009	1	MỚI
35	Máy nội soi TMH Chammed	Chammed	CHAMMED	HÀN QUỐC	2018	2018	1	MỚI
36	Máy nội soi Tai mũi họng OM-822 Ouman medical TQ SX: 2023	OM-822	Ouman medical	TRUNG QUỐC	2023	2023	1	MỚI
37	Nội soi phẫu thuật tiết niệu KARL STORZ Đức	KARL STORZ	KARL STORZ	ĐỨC	2013	2013	1	MỚI
38	Đèn soi nội khí quản Trung Quốc	HEINE	HEINE	TRUNG QUỐC	2003	2003	5	MỚI
39	Đèn soi nội khí quản Pakistan	Everbest	Everbest	PAKISTAN	2003	2003	4	MỚI
40	Đèn soi nội khí quản Đức	RIESTER	RIESTER	ĐỨC	2008	2008	5	MỚI
41	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động Cobas - C111 Thụy Sĩ	Cobas-C111	Cobas	THỤY SỸ	2009	2009	1	MỚI
42	Máy xét nghiệm sinh hóa nước tiểu Clinitek	Clinitek Status	CLNITEK	Anh	2008	2008	1	MỚI
43	Máy xét nghiệm sinh hóa nước tiểu Clinitek	Clinitek Status	CLNITEK	Anh	2013	2013	1	MỚI
44	Máy xét nghiệm sinh hóa nước tiểu Clinitek Anh	Clinitek Advantus	CLNITEK	Anh	2019	2019	1	MỚI
45	Máy XN sinh hóa tự động Sysmex BX - 4000 Nhật	BX- 4000	SYSMEX	NHẬT BẢN	2015	2015	1	MỚI
46	Máy XN sinh hóa tự động 800test/h JCA-BM6010/C Nhật	BM 6010/C	JCA	NHẬT BẢN	2015	2015	1	MỚI
47	Máy phân tích điện giải từ động Ilyte Mỹ	IL.yteTM	Ilyte	Mỹ	2011	2011	1	MỚI
48	Máy phân tích điện giải từ động Ilyte Mỹ	IL.yteTM	Ilyte	Mỹ	2011	2011	1	MỚI
49	Máy xét nghiệm Elisa ELX 800 Mỹ	ELX 800	Elisa	Mỹ	2008	2008	1	MỚI
50	Máy xét nghiệm miễn dịch tự động Immulite 1000 Mỹ	IMMULITE 1000	Siemens	Mỹ	2015	2015	1	MỚI
51	Máy tế bào 18 thông số - ABX Micros ES60 Pháp	Micros ES60	ABX	Pháp	2010	2010	1	MỚI
52	Máy xét nghiệm huyết học tự động XN- 10	XN-1000	SYSMEX	NHẬT BẢN	2014	2014	1	MỚI
53	Máy xét nghiệm đông máu tự động SOLEA 100 Biolabo Pháp	SOLEA 100	BIOLABO	PHÁP	2016	2016	1	MỚI
54	Tủ bảo quản mẫu MRB-200 Electrolux	MRB-200	Electrolux	Thụy Điển	2001	2001	1	MỚI
55	Máy xử lý mô tự động dạng đứng và kín	ASP300S	Leica	Đức	2018	2019	1	MỚI

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (MODEL)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm Sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng	Trình trạng sử dụng
56	Kính hiển vi 2 mắt CX-23	CX-23	OLYMPUS	NHẬT BẢN	2018	2019	2	MỎI
57	Bàn mổ vạt năng kích dầu ST- 08 Đài Loan	ST- 08	Sturdy	ĐÀI LOAN	2005	2005	2	MỎI
58	Bàn mổ kèm khung chỉnh hình AT - 80 Đài	AT-80	Sturdy	ĐÀI LOAN	2015	2015	1	MỎI
59	Bàn mổ đa năng SJ - 102 Thái Lan	SJ-102	S.J	THÁI LAN	2015	2015	1	MỎI
60	Đèn mổ treo trần ánh sáng lạnh ML-701 Đức	ML-701	Trumpf	Đức	2005	2005	2	MỎI
61	Đèn mổ treo trần 1 chóa KLS Martin Đức	KLS Martin	Martin	Đức	2011	2011	5	MỎI
62	Đèn mổ treo trần 2 chóa KLS Martin Đức	KLS Martin	Martin	Đức	2011	2011	2	MỎI
63	Dao mổ điện Electrotom 530 Berchtol Đức	Electrotom 530	Berchtol	Đức	2006	2006	1	MỎI
64	Dao mổ điện ICC-300 Đức	ICC-300	ERBE	Đức	2007	2007	1	MỎI
65	Dao mổ điện SABLRE 2400 Mỹ	SABLRE 2400	CONMED	Mỹ	2003	2003	1	MỎI
66	Dao mổ điện cao tần ME MB2 Đức	ME MB2	Martin	Đức	2005	2005	1	MỎI
67	Dao mổ điện Codman HP 2474 Mỹ	HP 2474	Codman	Mỹ	2007	2007	1	MỎI
68	Dao mổ điện cao tần ME MB3 Đức	ME MB3	Martin	ĐỨC	2015	2015	1	MỎI
69	Hệ thống PTNS bằng dao mổ siêu âm Olympus Medical Systems Corp Nhật;Đức	OTV-S7Pro	OLYMPUS	NHẬT BẢN	2016	2016	1	MỎI
70	Máy đốt điện cao tần	System 2450	CONMED	Mỹ	2019	2019	1	MỎI
71	Máy gây mê kết hợp hô hấp nhân tạo ABT-5100 Kotron EEC	ABT-5100	KOTRON	Pháp	2001	2001	2	MỎI
72	Máy gây mê kèm thở Dre Ventura Mỹ	Dre Ventura	VENTURA	Mỹ	2010	2010	1	MỎI
73	Máy gây mê kèm thở có màn hình theo dõi Pasithec Đức	PASITHEC	HEYER	ĐỨC	2015	2015	1	MỎI
74	Máy gây mê kèm thở Aespire 7100 Mỹ	AESPIRE 700	GE	Mỹ	2016	2016	1	MỎI
75	Máy gây mê kèm thở 8 mode	Carescape 650	GE	Mỹ	2018	2018	1	MỎI
76	Máy thở chức năng cao Carescape R860 GE Healthcare Mỹ	CARESCAPE R860	GE	Mỹ	2016	2016	1	MỎI
77	Máy thở chức năng cao Carescape R860 GE Healthcare Mỹ	CARESCAPE R860	GE	Mỹ	2018	2018	2	MỎI
78	Máy chống rung tim và tạo nhịp TEC-7531 Nihon Kohden Nhật	TEC-7531	Nihon Kodon	NHẬT BẢN	2005	2005	1	MỎI
79	Máy kích thích tim 5330 Medronic Mỹ	5330	Medronic	Mỹ	2010	2010	2	MỎI

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (MODEL)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm Sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng	Trình trạng sử dụng
80	Máy phá rung tim và tạo nhịp	TEC-5631	NIHON KOHDEN	NHẬT BẢN	2018	2019	2	MỚI
81	Bom tiêm điện TE-311 TERUMO Nhật	TE-311	TERUMO	NHẬT BẢN	2004	2004	4	MỚI
82	Bom tiêm điện TE-331 Nhật	TE-331	TERUMO	NHẬT BẢN	2010	2010	2	MỚI
83	Bom tiêm điện TE-SS700 Nhật	TE-SS700	TERUMO	NHẬT BẢN	2016	2016	2	MỚI
84	Bom tiêm điện TCI - II Trung Quốc	TCI-II	Very Ark	TRUNG QUỐC	2016	2016	4	MỚI
85	Bom tiêm điện Injectomat Agilia	Injectomat	Fresenius Kabi	Đức	2019	2019	3	MỚI
86	Bom truyền dịch tự động TE-112 TERUMO Nhật	TE-112	TERUMO	NHẬT BẢN	2004	2004	4	MỚI
87	Bom truyền dịch tự động OPTIMA PT Pháp	OPTIMA PT	OPTIMA	PHÁP	2016	2016	3	MỚI
88	Máy theo dõi bệnh nhân LIFE SCOPE BSM-7105K Nihon Kohden Nhật	BSM-7105K	NIHON KOHDEN	NHẬT BẢN	1998	1998	4	MỚI
89	Máy theo dõi bệnh nhân LIFE SCOPE BSM-2301K Nihon Kohden Nhật	BSM-2301K	NIHON KOHDEN	NHẬT BẢN	2008	2008	1	MỚI
90	Máy theo dõi bệnh nhân lifescop L-BSM-2351 K Nhật	L-BSM-2351K	NIHON KOHDEN	NHẬT BẢN	2010	2010	4	MỚI
91	Máy theo dõi bệnh nhân BSM 6301 Nhật	BSM 6301	NIHON KOHDEN	NHẬT BẢN	2009	2009	2	MỚI
92	Máy theo dõi bệnh nhân BSM - 3562 Nhật	BSM - 3562	NIHON KOHDEN	NHẬT BẢN	2016	2016	4	MỚI
93	Monitor theo dõi b/n 5 thông số BSM-3562 Nhật	BSM-3562	NIHON KOHDEN	NHẬT BẢN	2024	2024	2	MỚI
94	Monitor theo dõi b/n 7 thông số BSM-3562 Nhật	BSM - 3562	NIHON KOHDEN	NHẬT BẢN	2024	2024	10	MỚI
95	Máy theo dõi bệnh nhân B40i Phần Lan	B40i	GE Healthcare	PHẦN LÂN	2016	2016	2	MỚI
96	Máy theo dõi bệnh nhân 6 thông số BSM-3562	BSM-3562	NIHON KOHDEN	NHẬT BẢN	2019	2019	6	MỚI
97	Máy theo dõi bệnh nhân 10 thông số BSM-6501	BSM-6501	NIHON KOHDEN	NHẬT BẢN	2019	2019	1	MỚI
98	Máy theo dõi áp lực nội sọ PSO-3000 Pháp	PSO-3000	SOPHYSA	PHÁP	2013	2013	1	MỚI
99	Máy theo dõi sản khoa Model: FC 1400 Bionet	FC 1400	Bionet	HÀN QUỐC	2023	2023	1	MỚI

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (MODEL)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm Sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng	Trình trạng sử dụng
100	Giường cấp cứu HF 1035 Trung Quốc	HF 1035	TRUNG QUỐC	TRUNG QUỐC	2005	2005	5	MỎI
101	Giường cấp cứu đa năng HF 1036 Trung Quốc	HF 1036	TRUNG QUỐC	TRUNG QUỐC	2005	2005	2	MỎI
102	Giường đa chức năng quay tay G29 Việt Nam	G29	Armephaco	VIỆT NAM	2006	2006	1	MỎI
103	Giường cấp cứu Yqc - 2 L Trung quốc	YQC-2L	TRUNG QUỐC	TRUNG QUỐC	2005	2005	2	MỎI
104	Giường Y tế điều chỉnh điện moto Việt Nam	G18/2-0152	Armephaco	VIỆT NAM	2015	2015	2	MỎI
105	Giường bệnh nhân đa năng DN 3 mô tơ Nhật	DN	Nakito	NHẬT BẢN	2016	2016	8	MỎI
106	Bàn nắn bó bột kéo xương B27 Việt Nam	B27	Armephaco	VIỆT NAM	2005	2005	1	MỎI
107	Máy laser yag	Visulas Yag III	Carl Zeiss	Đức	2018	2019	1	MỎI
108	Máy khoan cưa xương đa năng	D4000A	CONMED	Mỹ	2019	2019	1	MỎI
109	Máy garo hơi số hóa	ATS2200	Zimmer	Mỹ	2019	2019	1	MỎI
110	Máy thận nhân tạo 1 bơm máu Dialog + Plus B.Braun Đức	Dialog+ Plus	B.Braun	Đức	2010	2010	10	MỎI
111	Máy thận nhân tạo 2 bơm máu Dialog + Plus B.Braun Đức	Dialog+ Plus	B.Braun	Đức	2018	2018	2	MỎI
112	Máy siêu lọc máu liên tục DIAPACT CRRT- BBraun Đức	DIAPACT	B.BRAUN	ĐỨC	2016	2016	1	MỎI
113	Hệ thống xử lý nước cho 20 máy thận nhân tạo E4-4400 DLX Mỹ	E4-4400 DLX	GE OSMONICS	MỸ	2010	2010	1	MỎI
114	Máy rửa quả lọc thận tự động Renatron PA100 Minntech Mỹ	Renatron PA100	Minntech	Mỹ	2010	2010	1	MỎI
115	Máy siêu âm điều trị Lectron 200UD Hàn Quốc	Lectron 200UD	DMC	HÀN QUỐC	2013	2013	2	MỎI
116	Máy siêu âm điều trị US-751 Nhật	US-751	ITO	NHẬT BẢN	2015	2015	2	MỎI
117	Máy siêu âm điều trị US 3 Nhật	US 3	ITO	NHẬT BẢN	2007	2007	3	MỎI
118	Máy điện trị liệu CS-210-ITO Nhật	CS-210	ITO	NHẬT BẢN	2004	2004	5	MỎI
119	Máy điện trị liệu Endomed -581 Hà lan	Endomed-581	Enraf-nonius	HÀ LAN	2005	2005	2	MỎI
120	Máy kích thích cơ ES 420 Nhật	ES 420	ITO	NHẬT BẢN	2002	2002	1	MỎI
121	Máy điều trị Laser HC IRL.6 Ý	HC IRL.6	Electronica Pagani	YTALY	2016	2016	1	MỎI
122	Máy điện châm	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	2010	2010	10	MỎI
123	Máy điện châm	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	2018	2018	10	MỎI
124	Máy điện châm	TQ	TQ	TRUNG QUỐC	2014	2014	10	MỎI
125	Máy điện châm	TQ	TQ	TRUNG QUỐC	2016	2016	10	MỎI

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (MODEL)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm Sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng	Trình trạng sử dụng
126	Máy sóng ngắn SW-180 Nhật	SW-180	ITO	NHẬT BẢN	2001	2001	1	MỚI
127	Máy điều trị sóng ngắn xung và liên tục 2 cần SW-180 Nhật	SW-180	ITO	NHẬT BẢN	2015	2015	2	MỚI
128	Máy điều trị sóng ngắn DX 500 Ý	DX 500	Enraf-nonius	YTALY	2016	2016	1	MỚI
129	Máy kéo giãn cột sống lưng cổ Autotracc 450 2 K Bì	Autotracc 450 2K	Digit Medical Corporation	Bỉ	2004	2004	1	MỚI
130	Máy kéo giãn cột sống lưng cổ OL 700 Nhật	OL 700	ITO	NHẬT BẢN	2005	2005	1	MỚI
131	Máy kéo giãn cột sống cổ C6 354 Việt Nam	C6 354	VIỆT NAM	VIỆT NAM	2009	2009	1	MỚI
132	Máy kéo giãn cột sống lưng cổ SST-100 Stratatek Hàn Quốc	SST-100	STRATEK	HÀN QUỐC	2009	2009	1	MỚI
133	Máy kéo giãn cột sống cổ - lưng TM 400 1F- ITO Nhật	TM 400 TF	ITO	NHẬT BẢN	2015	2015	2	MỚI
134	Máy massage Thái Lan	THÁI LAN	THÁI LAN	THÁI LAN	2010	2010	1	MỚI
135	Máy massage Đài Loan	ĐÀI LOAN	ĐÀI LOAN	ĐÀI LOAN	2011	2011	2	MỚI
136	Ghế Massage toàn thân Max 616B	MAX 616B	Maxcare	TRUNG QUỐC	2010	2010	1	MỚI
137	Máy tập phục hồi chức năng Motomed Viva2 Đức	Motomed Viva 2	OPTIMA	ĐỨC	2012	2012	1	MỚI
138	Máy massage SY- 7A Đài Loan	SY-7A	Dinye	ĐÀI LOAN	2010	2010	2	MỚI
139	Buồng điều trị Oxy cao áp MO-13	MO-13	Hyperbaric	PERU	2017	2018	1	MỚI
140	Máy chữa răng tổng hợp COSMOS-OA Nhật	Cosmos-OA	COSMO	NHẬT BẢN	2004	2004	1	MỚI
141	Máy chữa răng tổng hợp MARUS-MAX - EURO Mỹ	MARUS-MAX	MARUS	MỸ	2006	2006	1	MỚI
142	Máy chữa răng tổng hợp kèm nén khí Carina Nhật	CARINA	CARINA	NHẬT BẢN	2007	2007	1	MỚI
143	Máy chữa răng tổng hợp QUALITY-FLEX- OLSON Brazil	FLEX- OLSON	Olsen	BRAZIL	2011	2011	1	MỚI
144	Máy chữa răng chức năng cao Mirage Mỹ	MIRAGE	TPC	MỸ	2012	2012	1	MỚI
145	Máy ghế răng tổng hợp Clestia eIII Takara Belmont Nhật	CLESTIA EIII	TANKARA BELMONT	NHẬT BẢN	2016	2016	1	MỚI
146	Ghế khám và điều trị nha khoa	Seasons	Yoshida	NHẬT BẢN	2019	2019	1	MỚI

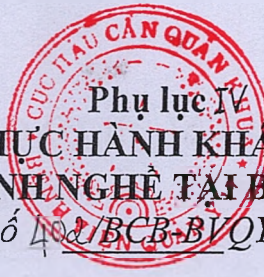
STT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (MODEL)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm Sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng	Trình trạng sử dụng
147	Máy lấy cao răng siêu âm CAVITRON SELECT Mỹ	CAVITRON	Dentsply Sirona	Mỹ	2007	2007	1	MỎI
148	Máy siêu âm lấy cao răng Đài loan	ART	ART	ĐÀI LOAN	2003	2003	1	MỎI
149	Máy siêu âm lấy cao răng Minipiezon Thụy Sĩ	MINIPIEZON	EMS	THỤY SỸ	2004	2004	1	MỎI
150	Sinh hiển vi khám mắt SL250 Nidex Mỹ	SL250	NIDEX	Mỹ	2004	2004	1	MỎI
151	Sinh hiển vi khám mắt SM-70 TAKAGI Nhật	SM-70	TAKAGI	NHẬT BẢN	2007	2007	1	MỎI
152	Máy chiếu đo thị lực CP-500 Nhật	CP-500	Shin Nippon	NHẬT BẢN	2005	2005	1	MỎI
153	Sinh hiển vi phẫu thuật mắt OM-10 TAKAGI Nhật	OM-10	TAKAGI	NHẬT BẢN	2009	2009	1	MỎI
154	Kính hiển vi phẫu thuật mắt W-200 Nhật	W-200	ZEISS	NHẬT BẢN	2010	2010	1	MỎI
155	Đèn soi đáy mắt Richter 3011 Đức	RICHTER 3011	Rieste	ĐỨC	2004	2004	1	MỎI
156	Máy đo nhãn áp Nidek NT 4.000 Nhật	NIDEX NT 4000	NIDEX	NHẬT BẢN	2006	2006	1	MỎI
157	Máy xông khí dung Boringer Đức	BORINGER	BORINGER	ĐỨC	2000	2000	1	MỎI
158	Máy xông khí dung Thomas 1122 Mỹ	1122	THOMAS	Mỹ	2002	2002	5	MỎI
159	Máy xông khí dung DN 1022 Hàn Quốc	DN 1022	MEDITECH	HÀN QUỐC	2008	2008	1	MỎI
160	Máy xông thuốc cục bộ Model YJ2A-I Trung Quốc	YJ2A-I	Xiangyu	TRUNG QUỐC	2007	2007	1	MỎI
161	Máy xông khí dung NE- C29 OMRON	NE-C29	OMRON	NHẬT BẢN	2009	2009	3	MỎI
162	Máy xông khí dung Comfort 2000 KU-400-Shin-ei Nhật	COMFORT 2000	SHINEI	NHẬT BẢN	2016	2016	2	MỎI
163	Máy đo thính lực	AA-M1C1	Rion	NHẬT BẢN	2018	2019	1	MỎI
164	Máy theo dõi sản khoa Conicaid One Anh	Conicaid One	HUNTLEIGH HEALTHCARE	ANH	2011	2011	1	MỎI
165	Máy Monitoring sản khoa Model TE 700 Hàn Quốc	TE 700	Bionet	HÀN QUỐC	2012	2012	1	MỎI
166	Máy nghe tim thai FD-380 Nhật	FD-380	TOITU	NHẬT BẢN	2010	2010	1	MỎI
167	Lồng ấp trẻ sơ sinh Rabee Incu i Atom Nhật	RABEE INCU I	ATOM	NHẬT BẢN	2016	2016	1	MỎI
168	Kính hiển vi phẫu thuật M525 F50 Leica - Microsystem AG Mỹ	M525 F50	Leica	Mỹ	2013	2013	1	MỎI

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (MODEL)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm Sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng	Trình trạng sử dụng
169	Hệ thống sắc thuốc Handlesnp B1130-2410 Hàn Quốc	B1130-2410	HÀN QUỐC	HÀN QUỐC	2008	2008	1	MỚI
170	Nồi sắc thuốc đông y (Cải tiến từ nồi BK 75)	Việt Nam	NGA	NGA	2003	2003	2	MỚI
171	Mỹ đông gói thuốc đông y KTP-A-20	KTP-A-20	Techno Pack	HÀN QUỐC	2019	2019	1	MỚI
172	Nồi hấp ngang 282 lít EA605A Rastern Đài Loan	EA605A Rastern	Rastern	ĐÀI LOAN	2002	2002	1	MỚI
173	Nồi hấp đứng BK-75 Nga	BK-75	NGA	NGA	1998	1998	1	MỚI
174	Nồi hấp ngang để bàn Đài Loan	SA232	Sturdy	ĐÀI LOAN	2002	2002	1	MỚI
175	Máy hấp ướt tiết trùng	ES-315	Tomy	NHẬT BẢN	2019	2019	2	MỚI
176	Máy giặt vắt liên hoàn RS35 Bỉ	RS35	Primus	Bỉ	2002	2002	1	MỚI
177	Máy giặt Eidal ELT 9 T Mỹ	Eidal ELT 9	Eidal	Mỹ	2005	2005	2	MỚI
178	Máy giặt National N3100 Nhật	National N3100	National	NHẬT BẢN	1998	1998	1	MỚI
179	Máy sấy Milnor M75 Mỹ	M75	Milnor	Mỹ	2003	2003	1	MỚI
180	Máy sấy công nghiệp D 35 Mỹ	D 35	Primus	Mỹ	2006	2006	1	MỚI
181	Máy X-quang cánh tay C di động Bvibra Philips HÀ LAN	Bvibra	Philips	HÀ LAN	2005	2005	1	MỚI
182	Máy X-quang di động cao cấp Practix - 300 Philips HÀ LAN	Practix - 300	Philips	HÀ LAN	2006	2006	1	MỚI
183	Máy siêu âm doppler màu 3 D sản khoa HDI-4000 Philips HÀ LAN	HDI-4000	Philips	HÀ LAN	2005	2005	1	MỚI
184	CT scan ốc 2 lớp cấu hình A MX 8000 Dualslice Philips Hà Lan	AMX 8000 Dualslice	Philips	HÀ LAN	2005	2005	1	MỚI
185	Máy hô hấp nhân tạo có NIV và BIBAP Savina Draeger Áo	Savina	Draeger	HÀ LAN	2005	2005	1	MỚI
186	Máy chống rung tim có màn hình Heart Start Philips HÀ LAN	Heart Start	Philips	HÀ LAN	2005	2005	1	MỚI
187	Giường hồi sức cấp cứu Avantguard 1200 Hill-rom HÀ LAN	Avantguard 1200	Hill rom	HÀ LAN	2005	2005	2	MỚI
188	Bàn phẫu thuật đa chức năng điều khiển thủy lực Mekur 3S Trumpf Đức	Mekur 3S	Trumpf	ĐỨC	2005	2005	1	MỚI

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (MODEL)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm Sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng	Trình trạng sử dụng
189	Đèn mổ treo trần 2 choả Helion L/M Trumpf Đức	HELION L/M	Trumpf	ĐỨC	2005	2005	1	MỚI
190	Máy gây mê kèm máy thở Fabius- Ce Draeger Ao	Fabius- Ce	Draeger	HÀ LAN	2005	2005	1	MỚI
191	Monitor theo dõi bệnh nhân trong phẫu thuật Intellivue MP6 Phillips	Intellivue MP6	Philips	HÀ LAN	2005	2005	1	MỚI
192	Máy hấp tiệt trùng 2 cửa 310 lít có sinh hơi Securex HP666-2 MMM ĐỨC	Securex HP666-2	MMM	ĐỨC	2005	2005	2	MỚI
193	Máy rửa/khử trùng dụng cụ 1 cửa Inova L4-1 MMM ĐỨC	L4-1 MMM	Inova	ĐỨC	2005	2005	1	MỚI
194	Máy siêu âm rửa dụng cụ 8510 E/DTH Brason	8510 E/DTH	Brason	HÀ LAN	2005	2005	1	MỚI
195	Máy thở cơ động Newporht HT 50 Mỹ	HT 50	NEWPORT	MỸ	2007	2007	2	MỚI
196	Máy thở T-Bird Vela - Com Prehensive Mỹ	T-Bird Vela-	VELA	MỸ	2007	2007	2	MỚI
197	Máy theo dõi bệnh nhân Lifescope PBSM 4101K NHẬT	BSM 4101K	NIHON KOHDEN	NHẬT BẢN	2008	2008	2	MỚI
198	Máy cấp đông Frigor TMV - 200 Đan Mạch	TMV - 200	FRIGOR	ĐAN MẠCH	2008	2008	1	MỚI
199	Tủ lạnh Cooltech 350 lít Việt Nam	Cooltech	VIỆT NAM	VIỆT NAM	2008	2008	1	MỚI
200	Bồn rửa đông Lapcompension Hàn Quốc	Lapcompension	HÀN QUỐC	HÀN QUỐC	2009	2009	1	MỚI
201	Máy đo tải lượng virus HIV PCR 9700 Singapore	HIV PCR 9700	PCR	SINGAPO	2009	2009	1	MỚI
202	Máy Eliza Bio-Tek Elx 800 Mỹ	Elx 800	BIO-TEK	MỸ	2009	2009	1	MỚI
203	Máy lắc trộn Vortex Mỹ	MX-F	Vortex	MỸ	2010	2010	4	MỚI
204	Máy cân lắc và lấy máu tự động Tracjr Pháp	Tracjr	Tracjr	PHÁP	2010	2010	1	MỚI
205	Máy ly tâm lạnh chuyên dụng tách máu, để sản 6 cốc	J6-MI	BEKMAN COUNTER	MỸ	2012	2012	1	MỚI
206	Máy ly tâm 5810 Ependort Đức	5810	Ependort	ĐỨC	2012	2012	1	MỚI
207	Máy ly tâm nhỏ 5424 Ependort Đức	5424	Ependort	ĐỨC	2012	2012	2	MỚI
208	Máy rửa Eliza Bio-Tek Elx 50 Mỹ	Elx 50	BIO-TEK	MỸ	2012	2012	1	MỚI
209	Máy xét nghiệm CD4-Dickinson Mỹ	CD4	Dickinson	MỸ	2010	2010	1	MỚI
210	Máy xét nghiệm sinh hóa Roche Đức	Cobas C 111	Roche	ĐỨC	2010	2010	1	MỚI
211	Tủ lạnh âm sâu đặc dụng Revco Rel ULT 1230V Mỹ	Rel ULT 1230V	REVCO	MỸ	2011	2011	1	MỚI

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (MODEL)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm Sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng	Trình trạng sử dụng
212	Tủ lạnh âm sâu Revco Rel1204V Mỹ	Rel 1204V	REVCO	Mỹ	2011	2011	1	Mới
213	Tủ lạnh âm sâu Revco UFP1230V Mỹ	UFP 1230V	REVCO	Mỹ	2012	2012	1	Mới
214	Tủ lạnh lưu mẫu Revco Reb404V Mỹ	Reb404V	REVCO	Mỹ	2011	2011	1	Mới
215	Tủ lạnh lưu mẫu Revco Rel1204 Mỹ	Rel 1204	REVCO	Mỹ	2011	2011	1	Mới
216	Tủ lạnh đa năng Rel 2304D Mỹ	Rel 2304D	REVCO	Mỹ	2012	2012	1	Mới
217	Tủ lạnh di động trữ mẫu PRF50 YTALY	PRF50	Evermed	YTALY	2013	2013	1	Mới
218	Máy ly tâm 28 ống nghiệm Rotina 380 Đức	Rotina 380	Hettich	ĐỨC	2009	2009	1	Mới
219	Kính hiển vi Optical Microscope NHẬT	Carl Zeiss	Carl Zeiss	NHẬT BẢN	2009	2009	1	Mới
220	Hệ thống X quang kỹ thuật số DDR Titan 2000 Hàn Quốc	DDR Titan 2000	COMED	HÀN QUỐC	2010	2010	1	Mới
221	HTNS dạ dày, đại tràng hỗ trợ chẩn đoán ung thư sớm Exera II Nhật	CV-190	OLYMPUS	NHẬT BẢN	2019	2020	1	Mới
222	Máy siêu âm doppler màu Arietta Precision Nhật Bản	Arietta Precision	Hitachi	NHẬT BẢN	2019	2020	1	Mới
223	Máy hấp tiệt trùng 2 cửa P-4212 H Italy	P-4212H	Cisa	Italy	2019	2020	1	Mới
224	Máy sấy công nghiệp ES 34 Italy	ES 34	Imesa	Italy	2019	2020	1	Mới
225	Máy giặt vắt công nghiệp RC30	RC30	Imesa	Italy	2019	2020	2	Mới
226	Máy giặt vắt công nghiệp RS-62 T II E	RS-62 T	Imesa	Tây Ban Nha	2020	2021	1	Mới
227	Máy sấy quần áo DS-60D PME	DS-60D	PME	Tây Ban Nha	2020	2021	1	Mới
228	Máy thờ VFS-410	VFS-410	Vingroup	Việt Nam	2020	2021	1	Mới
229	Hệ thống xét nghiệm Realtime PCR Rotor-Gene Q MDx	Rotor-Gene Q MDx	Qiagen	Malaysia	2020	2021	1	Mới
230	Hệ thống xét nghiệm Realtime PCR Aria DX1021	Aria DX1021	Agilent	Malaysia	2021	2022	1	Mới
231	Máy lắc Votex	Purimix 1121	Cryste	HÀN QUỐC	2021	2022	2	Mới
232	Máy ly tâm lạnh Biocen	Biocen 22R 1121	Biocen	Tây Ban Nha	2021	2022	1	Mới
233	Máy ly tâm Spindown M6 1121	M6 1121	Dailian	HÀN QUỐC	2021	2022	1	Mới
234	Máy Realtime PCR Aria DX 1021	DX1021	Agilent	Malaysia	2021	2022	1	Mới
235	Máy tách chiết DNA/RNA tự động 9600	Maelstrom 9600	TAN Bead	ĐÀI LOAN	2021	2022	1	Mới
236	Máy ủ nhiệt TCDB-01	TCDB-01	Cleaver Scientific	ĐÀI LOAN	2021	2022	1	Mới

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu thiết bị (MODEL)	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Năm Sản xuất	Năm sử dụng	Số lượng	Trình trạng sử dụng
237	Tủ âm sâu BDF-86V158	BDF-86V158	Biobase	TRUNG QUỐC	2021	2022	1	MỎI
238	Tủ an toàn sinh học cấp 2 BSC-IIA2	BSC-IIA2	Airtech	TRUNG QUỐC	2021	2022	2	MỎI
239	Tủ bảo quản y tế 2 ngăn CKF-25L300RF	CKF-25L	Biologix - Mỹ	TRUNG QUỐC	2021	2022	1	MỎI
240	Tủ PCR BKPC-A10	BKPC-A10	Biobase	TRUNG QUỐC	2021	2022	2	MỎI
241	Holter điện tim, huyết áp BTL- 08; Holter H600	BTL- 08; H600	BTL Industries	Bulgaria	2024	2024	1	MỎI
242	Máy đo nồng độ cồn	AP5020	AlcoPatrol	Hồng Kông	2024	2024	1	MỎI
243	Máy xét nghiệm điện giải 3 thông số	EasyLyte	Analyzer Medica	Mỹ	2024	2024	1	MỎI
244	Máy cấy máu Bac T/Alert 3D	Bac T/Alert 3D	BioMerieu X	Pháp	2024	2024	1	MỎI
245	Máy định danh nhóm máu bán tự động Ortho	Ortho Vision	Ortho clinical	Anh	2024	2024	1	MỎI
246	Máy xét nghiệm điện giải K+Na+cl-	Ionix	SFRI SAS	Pháp	2024	2024	1	MỎI
247	HIT xét nghiệm huyết học tự động 42 thông số	XN-1000	Sysmex	Nhật Bản	2024	2024	1	MỎI
248	Bồn ngâm chân hồng ngoại Beurer FB 50 TQ	FB50	Beurer	Trung Quốc	2024	2024	10	MỎI
249	Máy hiệu ứng nhiệt (Bó thuốc) điện xung	VL03	Công ty Vĩ Long	Việt Nam	2024	2024	10	MỎI



Phụ lục IV
KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỂ
CẤP GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ TẠI BỆNH VIỆN QUÂN Y 17
(Kèm theo Bản công bố 402/BCB-BVQY17 ngày 03 / 4 /2025)

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Bệnh viện Quân y 17 lập kế hoạch đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh để cấp giấy phép hành nghề cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

Học viên sau thời gian thực hành tại bệnh viện có kiến thức về Luật Khám bệnh, chữa bệnh; Quy chế Bệnh viện; Thực hiện thành thạo các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định điều trị, chăm sóc người bệnh và kê đơn thuốc.

Thực hiện thành thạo các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi đăng ký thực hành theo quy định tại Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều Luật khám bệnh, chữa bệnh.

II. ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG

1. Địa điểm: Tất cả các khoa lâm sàng và cận lâm sàng trong bệnh viện.

2. Thời gian, đối tượng

- Đối tượng: Người đề nghị thực hành đã tốt nghiệp các trường khối ngành sức khỏe có nhu cầu thực hành để cấp Giấy phép hành nghề (có Giấy giới thiệu của đơn vị quản lý cấp trung đoàn trở lên đối với người đề nghị thực hành thuộc lực lượng vũ trang nhân dân hoặc các Đơn đề nghị thực hành đối với các đối tượng khác).

- Thời gian thực hành cụ thể của từng đối tượng như sau:

TT	Đối tượng	Thời gian
1	Bác sĩ y khoa; Bác sĩ chuyên khoa (Nội; Ngoại; Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng; Y học cổ truyền; Mắt; Răng - Hàm - Mặt; Tai – Mũi - Họng)	12 tháng
2	Y sĩ	09 tháng
3	Điều dưỡng	06 tháng
4	Kỹ thuật Y (xét nghiệm y học, hình ảnh y học, phục hồi chức năng)	06 tháng

III. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

1. Hướng dẫn về các văn bản quy định pháp luật khám bệnh, chữa bệnh

1.1. Nội dung (mỗi nội dung 2 – 4 giờ)

- Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp;
- An toàn người bệnh và phòng ngừa sự cố y khoa;
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế tổ chức, quản lý Bệnh viện.

1.2. Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành lâm sàng.

2. Hướng dẫn thực hành

2.1. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sĩ y khoa

2.1.1 Thời điểm và thời gian thực hành

Người thực hành tập trung, toàn thời gian trong 12 tháng tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Quân y 17, cụ thể:

- Thực hành chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh Hồi sức cấp cứu 03 tháng tại khoa Hồi sức cấp cứu A12.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 09 tháng tại tối thiểu 02 khoa lâm sàng trong đó yêu cầu ít nhất có 01 khoa khối Nội (A1, A2, A3, A4, A7) và 01 khoa khối Ngoại (B1, B3).

2.1.2. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.2. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sĩ Nội khoa

2.2.1 Thời điểm và thời gian thực hành

Người thực hành tập trung, toàn thời gian trong 12 tháng tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Quân y 17, cụ thể:

- Thực hành chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh Hồi sức cấp cứu 03 tháng tại khoa Hồi sức cấp cứu A12.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 09 tháng tại các khoa khối Nội (A1, A2, A3, A4, A7).

2.2.2. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội.
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục II phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.3. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sĩ Ngoại khoa

2.3.1 Thời điểm và thời gian thực hành

Người thực hành tập trung, toàn thời gian trong 12 tháng tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Quân y 17, cụ thể:

- Thực hành chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh Hồi sức cấp cứu 03 tháng tại khoa Hồi sức cấp cứu A12.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 09 tháng tại các khoa khối Ngoại (A1, A2, A3, A4, A7).

2.3.2. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại.

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục IX phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.4. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sĩ Phục hồi chức năng

2.4.1 Thời điểm và thời gian thực hành

Người thực hành tập trung, toàn thời gian trong 12 tháng tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Quân y 17, cụ thể:

- Thực hành chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh Hồi sức cấp cứu 03 tháng tại khoa Hồi sức cấp cứu A12.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 09 tháng tại khoa Lý liệu – Phục hồi chức năng C6.

2.4.2. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng.

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục XV phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.5. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sĩ Phục hồi chức năng

2.5.1 Thời điểm và thời gian thực hành

Người thực hành tập trung, toàn thời gian trong 12 tháng tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Quân y 17, cụ thể:

- Thực hành chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh Hồi sức cấp cứu 03 tháng tại khoa Hồi sức cấp cứu A12.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 09 tháng tại khoa Y học cổ truyền

2.5.2. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền.

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VI Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.6. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sĩ Y học cổ truyền

2.6.1 Thời điểm và thời gian thực hành

Người thực hành tập trung, toàn thời gian trong 12 tháng tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Quân y 17, cụ thể:

- Thực hành chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh Hồi sức cấp cứu 03 tháng tại khoa Hồi sức cấp cứu A12.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 09 tháng tại khoa Y học cổ truyền

2.6.2. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Y học cổ truyền.
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VI Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.7. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sĩ chuyên khoa Mắt

2.7.1 Thời điểm và thời gian thực hành

Người thực hành tập trung, toàn thời gian trong 12 tháng tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Quân y 17, cụ thể:

- Thực hành chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh Hồi sức cấp cứu 03 tháng tại khoa Hồi sức cấp cứu A12.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 09 tháng tại khoa Mắt

2.7.2. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt.
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục XIII phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.8. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sĩ chuyên khoa Răng Hàm Mặt

2.8.1 Thời điểm và thời gian thực hành

Người thực hành tập trung, toàn thời gian trong 12 tháng tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Quân y 17, cụ thể:

- Thực hành chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh Hồi sức cấp cứu 03 tháng tại khoa Hồi sức cấp cứu A12.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 09 tháng tại khoa Răng Hàm Mặt

2.8.2. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt.
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và phụ lục VIII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.9. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Bác sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sĩ chuyên khoa Tai Mũi Họng

2.9.1 Thời điểm và thời gian thực hành

Người thực hành tập trung, toàn thời gian trong 12 tháng tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Quân y 17, cụ thể:

- Thực hành chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh Hồi sức cấp cứu 03 tháng tại khoa Hồi sức cấp cứu A12.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 09 tháng tại khoa Tai Mũi Họng.

2.9.2. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục XIV phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.10. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Y sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Y sĩ đa khoa

2.10.1 Thời điểm và thời gian thực hành

Người thực hành tập trung, toàn thời gian trong 09 tháng tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Quân y 17, cụ thể:

- Thực hành chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh Hồi sức cấp cứu 03 tháng tại khoa Hồi sức cấp cứu A12.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 06 tháng tại tối thiểu 02 khoa lâm sàng trong đó yêu cầu ít nhất có 01 khoa khối Nội (A1, A2, A3, A4, A7) và 01 khoa khối Ngoại (B1, B3).

2.10.2. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa.
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục X Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.11. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Y sĩ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Y sĩ Y học cổ truyền

2.11.1 Thời điểm và thời gian thực hành

Người thực hành tập trung, toàn thời gian trong 09 tháng tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Quân y 17, cụ thể:

- Thực hành chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh Hồi sức cấp cứu 03 tháng tại khoa Hồi sức cấp cứu A12.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 06 tháng tại khoa Y học cổ truyền A10.

2.11.2. Nội dung thực hành

- Khám bệnh, chữa bệnh Y học cổ truyền.
- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục XI Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.12. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Điều dưỡng đa khoa

2.12.1 Thời điểm và thời gian thực hành

Người thực hành tập trung, toàn thời gian trong 06 tháng tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Quân y 17, cụ thể:

- Thực hành chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh Hồi sức cấp cứu 01 tháng tại khoa Hồi sức cấp cứu A12.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 05 tháng tại tối thiểu 02 khoa lâm sàng trong đó yêu cầu ít nhất có 01 khoa khối Nội (A1, A2, A3, A4, A7) và 01 khoa khối Ngoại (B1, B3).

2.12.2. Nội dung thực hành

- Danh mục kỹ thuật trong mục I, II phụ lục XII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.13. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho kỹ thuật viên kỹ thuật xét nghiệm y học

2.13.1 Thời điểm và thời gian thực hành

Người thực hành tập trung, toàn thời gian trong 06 tháng tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Quân y 17, cụ thể:

- Thực hành chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh Hồi sức cấp cứu 01 tháng tại khoa Hồi sức cấp cứu A12.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 05 tháng tại khoa Xét nghiệm.

2.13.2. Nội dung thực hành

- Danh mục kỹ thuật trong mục II phụ lục XIV Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.14. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Kỹ thuật viên kỹ thuật hình ảnh y học

2.14.1 Thời điểm và thời gian thực hành

Người thực hành tập trung, toàn thời gian trong 06 tháng tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Quân y 17, cụ thể:

- Thực hành chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh Hồi sức cấp cứu 01 tháng tại khoa Hồi sức cấp cứu A12.
- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 05 tháng tại khoa Chẩn đoán hình ảnh – Chức năng.

2.14.2. Nội dung thực hành

- Danh mục kỹ thuật trong mục I phụ lục XIV Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.15. Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho kỹ thuật viên kỹ thuật phục hồi chức năng

2.15.1 Thời điểm và thời gian thực hành

Người thực hành tập trung, toàn thời gian trong 06 tháng tại các khoa lâm sàng của Bệnh viện Quân y 17, cụ thể:

- Thực hành chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh Hồi sức cấp cứu 01 tháng tại khoa Hồi sức cấp cứu A12.

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh 05 tháng tại khoa Vật lý trị liệu – Phục hồi chức năng C6.

2.15.2. Nội dung thực hành

- Danh mục kỹ thuật trong mục III phụ lục XIV Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Kế hoạch tổng hợp

- Tiếp nhận hồ sơ đề nghị thực hành của người thực hành đối tượng bác sĩ, y sĩ. Phối hợp với ban Chính trị hoàn chỉnh hồ sơ trình xin ý kiến của Thường vụ, Đảng ủy, Ban Giám đốc bệnh viện về việc tiếp nhận người thực hành.

- Hoàn chỉnh các thủ tục, trình Ban Giám đốc ký kết hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

- Lập kế hoạch, trình Ban giám đốc phân công người hướng dẫn thực hành cho người thực hành đối tượng bác sĩ, y sĩ theo quy định khoản 5 Điều 16 Nghị định 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ.

- Phối hợp Ban Điều dưỡng lập danh sách học viên đăng ký thực hành tại Bệnh viện và người hướng dẫn thực hành tại Bệnh viện gửi Cục Quân y theo quy định tại khoản 5 Điều 16 Nghị định 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ.

- Giám sát việc luân chuyển người thực hành giữa các khoa.

- Thực hiện thủ tục xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo mẫu 03 Phụ lục I của Nghị định 16/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Ban Điều dưỡng

- Tiếp nhận hồ sơ đề nghị thực hành của người thực hành đối tượng điều dưỡng, kỹ thuật viên. Phối hợp với Ban Chính trị hoàn chỉnh hồ sơ trình xin ý kiến của Thường vụ, Đảng ủy, Ban Giám đốc Bệnh viện về việc tiếp nhận học viên thực hành.

- Hoàn chỉnh các thủ tục, trình Ban Giám đốc ký kết hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

- Lập kế hoạch, trình Ban giám đốc phân công người hướng dẫn thực hành cho người thực hành đối tượng điều dưỡng, kỹ thuật viên theo khoản 5 Điều 16 Nghị định 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ.

- Lập danh sách học viên đăng ký thực hành tại Bệnh viện và người hướng dẫn thực hành lại Bệnh viện gửi ban Kế hoạch tổng hợp để báo cáo theo quy định.

- Giám sát việc luân chuyển người thực hành giữa các khoa.

- Thực hiện thủ tục xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo 03 Phụ lục I của Nghị định 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ.

3. Bộ phận Công nghệ thông tin

Phối hợp ban Kế hoạch Tổng hợp, ban Điều dưỡng đăng tải danh sách người thực hành khám bệnh, chữa bệnh trên trang thông tin điện tử của bệnh viện.

4. Các khoa:

4.1. Chỉ huy khoa

- Tổ chức đào tạo và đánh giá đào tạo tại khoa.
- Phân công người hướng dẫn thực hành cho người thực hành theo Quyết định của bệnh viện.

- Quản lý người thực hành trong giờ hành chính, chấm công, hướng dẫn, giám sát người thực hành.

- Xây dựng kế hoạch và nội dung hướng dẫn thực hành cho người thực hành để cấp giấy phép hành nghề theo chương trình chung của bệnh viện.

- Theo dõi, đánh giá và nhận xét kết quả thực hành của người thực hành.

4.2. Người hướng dẫn thực hành

- Người hướng dẫn thực hành phải có giấy phép hành nghề với chức danh, phạm vi hành nghề phù hợp với chương trình, đối tượng được hướng dẫn thực hành; trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành; thời gian hành nghề khám bệnh, chữa bệnh liên tục từ 03 năm trở lên.

- Một người hướng dẫn thực hành chỉ được hướng dẫn tối đa là 05 người thực hành trong cùng một thời điểm.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình thực hành và chịu trách nhiệm nếu để người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh, trừ trường hợp người thực hành cố ý vi phạm.

- Theo dõi, đánh giá và nhận xét về kết quả thực hành theo nội dung đã được phân công và chịu trách nhiệm về nội dung nhận xét của mình.

5. Nhiệm vụ của người thực hành

- Tham gia thực hành đủ thời gian theo quy định. Tuân thủ các nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng thực hành khám bệnh, chữa bệnh.

- Nghiêm túc tuân thủ các quy định của Bệnh viện, học tập, thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát của người được phân công phụ trách hướng dẫn thực hành.

- Chủ động, tích cực học tập, thực hành theo chương trình đào tạo để đạt các chuẩn năng lực theo quy định./.

THÔNG BÁO

**Về việc công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành**

BỆNH VIỆN QUÂN Y 17	
VĂN BẢN	Số: 1331
TU ĐẾN	Ngày: 12/5/2025
	Chuyển:.....

Căn cứ khoản 4 Điều 16 Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2024 của Chính phủ về người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;

Căn cứ Công văn số 1288/BQP-HC ngày 08/4/2024 của Bộ Quốc phòng về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 16/2024/NĐ-CP ngày 16/02/2014 của Chính phủ (Điểm b khoản 1 Mục I);

Đối chiếu với các quy định tại Nghị định số 16/2024/NĐ-CP, Cục Quân y công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng điều kiện là cơ sở hướng dẫn thực hành như sau:

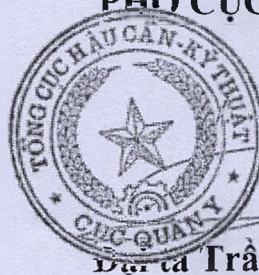
1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được công bố: Bệnh viện quân y 17.
2. Số giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 1001; ngày cấp 08/6/2022; cơ quan cấp: Bộ Quốc phòng.
3. Địa chỉ cơ sở: số 2 Nguyễn Hữu Thọ, Hải Châu, Đà Nẵng.
4. Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sỹ Huỳnh Đức Bắc.
5. Đáp ứng điều kiện để hướng dẫn thực hành các chức danh sau: Bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, kỹ thuật y.
6. Cơ sở hợp tác: không.
7. Trách nhiệm của cơ sở thực hành:
 - Báo cáo danh sách người thực hành về Cục Quân y khi bắt đầu tiếp nhận thực hành.
 - Khi có thay đổi nội dung cơ sở đã công bố kịp thời cập nhật và báo cáo (kèm hồ sơ) về Cục Quân y để tiến hành công bố lại.

Cục Quân y trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Thủ trưởng TCHCKT (để b/c);
- BVQY17/CHCKT/QK5;
- Công TTĐT BQP (để đăng tải);
- Lưu: VT, ĐTr9. Q05.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Đã ký: Trần Duy Hưng